

PHỤ LỤC III
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CỦA DOANH NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP & DV CHÚC A
MST: 3000106650

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 76 /KH-CHUCA

Chúc A, ngày 04 tháng 7 năm 2018

I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Những sự kiện quan trọng

a) Việc thành lập

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp và Dịch vụ Chúc A tiền thân là Lâm trường Chúc A được thành lập năm 1960.

- Được thành lập lại Doanh nghiệp nhà nước Lâm trường Chúc A thuộc Bộ Lâm nghiệp tại Quyết định số 377/TCLĐ ngày 28/5/1993.

- Được chuyển đổi thành Công ty Lâm nghiệp và Dịch vụ Chúc A thuộc UBND tỉnh Hà Tĩnh tại Quyết định số 1197/QĐ-UBND ngày 10/5/2006.

- Được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp và Dịch vụ Chúc A tại Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 03/3/2008.

b) Vốn điều lệ.

- Vốn điều lệ theo phê duyệt: 30.000.000.000 đồng

- Vốn chủ sở hữu hiện có: 10.706.667.119 đồng

c) Các sự kiện khác.

Quyết định số 1913/QĐ-UBND ngày 12/7/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Phê duyệt Đề án Sắp xếp, đổi mới và Phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp và Dịch vụ Chúc A: *“Duy trì, củng cố, phát triển và tái cơ cấu công ty TNHH MTV nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích”*.

Quyết định số 3474/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp và Dịch vụ Chúc A;

2. Quá trình phát triển

a) Chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp

- Chức năng
- + Quản lý, bảo vệ, xây dựng và phát triển rừng diện tích Nhà nước giao;
- + Sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;
- + Tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả diện tích được giao, cho thuê, bảo toàn phát triển vốn Chủ sở hữu.

- Nhiệm vụ

+ Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên diện tích 15.118,3 ha rừng và đất lâm nghiệp theo cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước

+ Thực hiện các biện pháp lâm sinh làm giàu rừng, trồng nâng cấp rừng phòng hộ, rừng tự nhiên sản xuất cung cấp nguyên liệu kinh doanh gỗ lớn cho chu kỳ kế tiếp.

+ Cung ứng dịch vụ môi trường rừng;

+ Xây dựng các công trình trong lâm nghiệp, phát triển KT-XH vùng rẻo cao gắn với quốc phòng an ninh.

b) Mục tiêu kinh doanh

- Doanh thu trung bình hàng năm phấn đấu đạt 12.000 triệu đồng, tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân 15 - 20%/năm từ 2016;

- Nộp ngân sách theo quy định của Nhà nước

- Lợi nhuận bình quân đạt 500 triệu đồng/năm;

- Tổng nguồn vốn chủ sở hữu đạt 16.000 triệu đồng;

- Thu nhập bình quân phấn đấu đạt 5-6 triệu đồng/người/tháng;

c) Ngành, nghề kinh doanh chính

- Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng trồng;

- Sản xuất kinh doanh giống cây trồng lâm - nông nghiệp;

- Khai thác, chế biến, kinh doanh lâm sản;

- Tư vấn quy hoạch, khảo sát, điều tra, thiết kế rừng và các công trình Lâm nghiệp;

- Đầu tư sản xuất, phát triển mô hình Nông lâm kết hợp với trang trại chăn nuôi;

- Kinh doanh dịch vụ các lĩnh vực được cơ quan thẩm quyền cho phép.

3. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu của doanh nghiệp.

- Kiểm soát chặt chẽ, hạn chế tiến tới chấm dứt cơ bản tình trạng khai thác rừng trái phép, thực hiện có hiệu quả các biện pháp bảo vệ rừng. Nâng tỷ lệ độ che phủ rừng trên lâm phần được giao đạt 98,3%, chất lượng rừng được nâng lên,

đảm bảo khả năng phòng hộ, cung ứng dịch vụ môi trường rừng và khai thác bền vững sau năm 2020.

- Ngoài nhiệm vụ công ích, tổ chức sản xuất cung ứng sản phẩm dịch vụ, tổ chức sản xuất, kinh doanh tổng hợp theo hướng Nông lâm kết hợp, chăn nuôi. Hình thành vùng chuyên canh, sản xuất nông lâm nghiệp tập trung phục vụ cho công nghiệp chế biến theo chuỗi giá trị hàng hóa chủ lực của tỉnh.

b) Tóm tắt những nội dung chính về chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Trồng rừng;
- Trang trại chăn nuôi;
- Dịch vụ giống cây trồng lâm nghiệp;
- Khai thác gỗ gắn với chế biến lâm sản;
- Trồng cây dược liệu dưới tán rừng.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Mục tiêu tổng quát

Sắp xếp, đổi mới và phát triển Công ty theo hướng thay đổi cơ bản cơ cấu sản xuất, mô hình tăng trưởng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, phương thức quản lý, bảo vệ phát triển rừng và quản trị doanh nghiệp đảm bảo phát triển bền vững. Quản lý, bảo vệ, đầu tư xây dựng rừng trên diện tích được giao theo tiêu chuẩn FSC để cung cấp nguồn nguyên liệu gỗ lớn phục vụ công nghiệp chế biến và thị trường theo chuỗi giá trị hàng hóa; cung ứng dịch vụ môi trường rừng; nâng cao lợi nhuận, tích lũy, phát triển vốn, tạo việc làm, thu nhập lao động gắn với tái cơ cấu lĩnh vực lâm nghiệp và phát triển KT-XH địa phương, góp phần bảo vệ an ninh quốc phòng khu vực biên giới Việt - Lào.

2. Mục tiêu cụ thể

- Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên diện tích 15.118,3 ha rừng và đất lâm nghiệp theo cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước; cung ứng dịch vụ môi trường rừng. Kiểm soát chặt chẽ, hạn chế tiến tới chấm dứt cơ bản tình trạng khai thác rừng trái phép, thực hiện có hiệu quả các biện pháp bảo vệ rừng. Nâng tỷ lệ độ che phủ rừng trên lâm phần được giao đạt trên 98% vào năm 2020, chất lượng rừng được nâng lên, đảm bảo khả năng phòng hộ, cung ứng dịch vụ môi trường rừng và khai thác bền vững sau năm 2020.

- Ngoài nhiệm vụ công ích, tổ chức sản xuất cung ứng sản phẩm dịch vụ, tổ chức sản xuất, kinh doanh tổng hợp theo hướng Nông lâm kết hợp, chăn nuôi. Hình thành vùng chuyên canh, sản xuất nông lâm nghiệp tập trung phục vụ cho công nghiệp chế biến theo chuỗi giá trị hàng hóa chủ lực của tỉnh.

- Doanh thu trung bình hàng năm phấn đấu đạt 12.000 triệu đồng, tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân 15 - 20%/năm từ 2016;

- Nộp ngân sách theo quy định của Nhà nước
- Lợi nhuận bình quân đạt 500 triệu đồng/năm;
- Tổng nguồn vốn chủ sở hữu đạt 16.000 triệu đồng;
- Thu nhập bình quân phần đầu đạt 5-6 triệu đồng/người/tháng;

3. Kế hoạch triển khai

- Vườn cây: Cây đặc sản Dó trăm 109,8 ha hiện đang khoán cho các hộ theo chương trình 327 và 661. Đầu tư công nghệ sinh học tạo Tràm để chung cất tinh dầu theo phương thức khoán hộ, ăn chia sản phẩm theo hợp đồng đã ký kết.

- Rừng sản xuất là rừng trồng: Tiếp tục chăm sóc, bảo vệ theo đúng quy trình kỹ thuật, đối với diện tích khoán hộ thực hiện theo hợp khoán theo chu kỳ kinh doanh.

- Rừng sản xuất là rừng tự nhiên:

+ Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững đối với rừng tự nhiên có trữ lượng giàu và trung bình, nghèo 9.522,8 ha, quy hoạch kinh doanh cỡ lớn cho chu kỳ kế tiếp, đầu tư kinh phí nhằm quản lý, bảo vệ tốt, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh làm giàu rừng để hướng tới tham gia thị trường Carbon tự nguyện, tiến tới khai thác bền vững.

+ Rừng sản xuất là rừng tự nhiên nghèo kiệt: Rà soát những diện tích rừng kém chất lượng không phát triển thành rừng để lập đề án cải tạo trồng lại rừng cỡ lớn chất lượng cao hơn, kết hợp trang trại chăn nuôi 607,9 ha.

- Rừng phòng hộ: Thực hiện các biện pháp bảo vệ tốt diện tích hiện có, trồng bổ sung nâng cấp chất lượng rừng nhằm tăng độ che phủ, khả năng phòng hộ, tạo nguồn sinh thủy cung ứng dịch vụ môi trường cho lòng hồ thủy điện Hồ Hô.

4. Các giải pháp thực hiện

4.1. Giải pháp về đất đai

- Tiến hành rà soát lại toàn bộ diện tích đất và rừng được Nhà nước cho thuê và giao quản lý. Căn cứ đề án được phê duyệt, Công ty tiến hành lập phương án sử dụng đất trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Đối với diện tích đất bị xâm canh, chiếm dụng trái phép trên lâm phần quản lý, Công ty đã rà soát, khoanh vùng chi tiết các trường hợp cụ thể, tổ chức giao khoán bảo vệ, phát triển rừng cho tập thể, hộ cá nhân theo chương trình kế hoạch, hạn chế, tiến tới chấm dứt tình trạng xâm canh, chiếm dụng trái phép trên lâm phần Công ty quản lý.

- Phối hợp với các cơ quan ban ngành và chính quyền địa phương đo đạc, cắm mốc ranh giới toàn bộ diện tích và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4.2. Giải pháp về quản lý, sử dụng rừng

a) Rà soát quy hoạch 3 loại rừng

Trên cơ sở số liệu quy hoạch 3 loại rừng đã được UBND tỉnh phê duyệt, tiến hành rà soát lại ranh giới, môc quản lý, thiết lập phân vùng giá trị chức năng sử dụng đúng mục đích, hiệu quả và ổn định lâu dài.

b) Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững tiến tới được cấp chứng chỉ rừng FSC đối với diện tích 9.522,8 ha

c) Quản lý, bảo vệ và phát triển diện tích rừng tự nhiên phòng hộ, sản xuất:

- Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên diện tích 15.118,3 ha rừng và đất lâm nghiệp, trong đó thực hiện nhiệm vụ công ích 14.674 ha rừng tự nhiên theo cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước.

- Thiết lập 4 trạm bảo vệ rừng tại các địa bàn xung yếu, duy trì đội cơ động, củng cố và nâng cao năng lực thực thi nhiệm vụ của lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động ra vào rừng; phát hiện, ngăn chặn kịp thời, hiệu quả các hành vi xâm hại rừng.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan kiểm lâm, chính quyền địa phương các xã Hương Lâm, Hương Vĩnh, Hương Xuân, Đồn Biên phòng Bản Giàng thực hiện tốt quy chế phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng trên địa bàn. Xử lý kịp thời triệt để các hành vi chặt phá rừng, khai thác lâm sản trái phép, chống người thi hành công vụ thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 1685/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Hạn chế, tiến tới chấm dứt nạn khai thác, xâm chiếm rừng trái phép trên địa bàn.

- Nguồn kinh phí bảo vệ rừng hàng năm được Nhà nước đảm bảo theo cơ chế chính sách tại quyết định 2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Chính phủ về tăng cường quản lý khai thác gỗ rừng tự nhiên giai đoạn 2014-2020.

d) Giải pháp về phát triển rừng trồng là rừng sản xuất:

- Cải tạo rừng trồng gỗ lớn, khoanh nuôi có trồng dặm cây lâm nghiệp trồng bổ sung trên những diện tích rừng nghèo có diễn thế sinh thái đi xuống bằng các loài cây có giá trị cao như: Lim xanh, Cồng, Re, Giỏi Trồng cây được liệu dưới tán rừng, trên những phần diện tích đất trống, bồi tụ ven suối...

- Đối với diện tích rừng trồng Keo, vườn cây đặc sản Dó Trâm: Công ty tiếp tục đầu tư nguồn kinh phí để quản lý bảo vệ tốt diện tích hiện có, áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh phù hợp để nâng cao năng suất, chất lượng rừng. Đầu tư công nghệ sinh học tạo trâm, khai thác, chế biến, chưng cất tinh dầu một cách hiệu quả và bền vững nhằm đảm bảo lợi ích hài hòa giữa hộ nhận khoán và Công ty, tạo thêm việc làm, thu nhập cho người lao động.

4.3. Giải pháp về đầu tư sản xuất các ngành nghề khác

Để tận dụng hiệu quả tài nguyên rừng, ngoài các ngành nghề truyền thống Công ty kết hợp mở ra các mô hình nông lâm kết hợp như: Trang trại chăn nuôi, khai thác chế biến lâm sản phi gỗ, dược liệu dưới tán rừng. Hàng năm Công ty xây dựng kế hoạch, phương án sản xuất để tăng thu nhập và giải quyết việc làm cho lao động, như sau:

a) Trồng rừng:

Lập phương án cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt trồng rừng trồng rừng gỗ lớn, dự kiến diện tích 500 ha, bình quân mỗi năm 100 ha, giai đoạn 2015- 2020, loài cây trồng chủ yếu là Dó trâm, Lim xanh, re hương, Giổi, Công trắng, Keo và các loài cây tăng trưởng nhanh có giá trị cao.

b) Trang trại chăn nuôi:

Rà soát diện tích 107,9 ha đất trống, rừng nghèo kiệt tại tiểu khu 241B xây dựng đề án chăn nuôi bò, vùng trồng cỏ theo hình thức liên kết với các doanh nghiệp chăn nuôi trong và ngoài tỉnh, quy mô nuôi 300 con bò thịt, mức đầu tư 15.000 triệu đồng, trong đó đơn vị liên kết góp vốn 10.000 triệu đồng, vốn Công ty góp 5.000 triệu đồng, thực hiện từ năm 2016, tạo việc làm cho 20 lao động, lợi nhuận dự kiến 200 triệu đồng.

c) Dịch vụ giống cây trồng lâm nghiệp:

Năm 2017, đầu tư xây dựng 01 vườn ươm giống công nghệ cao với quy mô 3 - 4 ha, hàng năm cung cấp 01 triệu cây giống phục vụ trồng rừng, dự kiến vốn đầu tư 2.000 triệu đồng; tạo việc làm cho 10 lao động, lợi nhuận mỗi năm 150 triệu đồng từ 2018.

Ngoài ra, Công ty còn cung cấp dịch vụ phân bón, chuyển giao khoa học công nghệ nông - lâm nghiệp cho người dân trên địa bàn.

d) Khai thác gỗ gắn với chế biến lâm sản:

- Khai thác gỗ: Trong giai đoạn 2015-2020 công ty tổ chức quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng đang được Nhà nước giao quản lý. Khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh rừng để cung cấp nguồn nguyên liệu gỗ lớn, cung ứng dịch vụ môi trường rừng, quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC. Thực hiện khai thác gỗ rừng tự nhiên từ năm 2021.

- Chế biến lâm sản:

+ Cũng cố lại xưởng chế biến hiện có;

+ Đầu tư trang thiết bị, máy móc dây chuyền chế biến mộc dân dụng, tận dụng nguyên liệu khai thác gỗ từ diện tích cải tạo rừng, gỗ rừng trồng trên địa bàn; gỗ nhập khẩu từ Lào, từ năm 2016, dự kiến mức vốn đầu tư 3.000 triệu đồng, trong đó vốn liên doanh, liên kết 2.000 triệu đồng, vốn Công ty 1.000 triệu đồng, tạo việc làm cho 15 lao động, lợi nhuận dự kiến 100 triệu đồng. Xây dựng

lò chung cát dầu trầm, mức đầu tư 1.000 triệu đồng, lợi nhuận 100 triệu đồng từ năm 2018.

e) Trồng cây dược liệu dưới tán rừng:

Sử dụng diện tích đất chưa có rừng, đất bồi tụ ven suối, diện tích rừng nghèo kiệt để triển khai trồng các loài cây dược liệu, cây đặc sản như: Dó trầm, gừng, gấc v.v. giải quyết việc làm cho lao động thời vụ (người dân sống ven rừng).

4.4. Giải pháp về tài chính, đầu tư, tín dụng

Căn cứ nhu cầu, dự toán đầu tư các hạng mục xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển rừng sản xuất, trên cơ sở định mức kinh tế, kỹ thuật của Nhà nước, công ty xác định nhu cầu vốn cho cả giai đoạn như sau:

a) Vốn điều lệ:

- Vốn điều lệ hiện có 10.667 triệu đồng,

- Vốn điều lệ đề nghị bổ sung 4.500 triệu đồng (50% nhu cầu đầu tư).

b) Vốn từ ngân sách Nhà nước để đầu tư cơ sở hạ tầng, bảo vệ rừng phòng hộ, giai đoạn 2015 -2020: tổng 6.915 triệu đồng, bao gồm:

- Xây nhà trạm bảo vệ rừng: 1.500 triệu đồng;

- Làm chòi canh: 80 triệu đồng

- Trồng bổ sung rừng phòng hộ: 3.000 triệu đồng

- Khoanh nuôi XTTS có trồng dặm cây lâm nghiệp: 450 triệu đồng

- Sửa chữa đường tuần tra lâm nghiệp, phát triển rừng: 600 triệu đồng.

- Nâng cấp, sửa chữa trạm bảo vệ rừng: 300 triệu đồng.

- Mua sắm thiết bị chữa cháy rừng: 150 triệu đồng.

- Sửa chữa trụ sở làm việc: 500 triệu đồng.

- Làm đường băng cản lửa: 210 triệu đồng

- Làm bảng biển PCCCR: 125 triệu đồng.

c) Giao kế hoạch và đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng tự nhiên phòng hộ, sản xuất 2015-2020.

d) Kinh phí bảo vệ rừng 1.500 triệu đồng từ nguồn thu phí DVMTR hàng năm.

e) Đầu tư cho sản xuất kinh doanh:

- Cải tạo trồng rừng gỗ lớn chất lượng cao, tổng 500 ha, vốn 20.680 triệu đồng, bình quân mỗi năm 100 ha x 41,360 triệu đồng/ha = 4.136 triệu đồng; đơn vị lập hồ sơ dự án huy động các nguồn vốn hợp pháp, liên doanh, liên kết để trồng;



- Trang trại chăn nuôi bò dự kiến nguồn đầu tư 15.000 triệu đồng trong đó nguồn vốn liên doanh 10.000 triệu đồng; nguồn vốn vay của đơn vị 2.500 triệu đồng; nguồn vốn bổ sung vốn điều lệ 2.500 triệu đồng;

- Xưởng chế biến mộc gia dụng dự kiến đầu tư 3.000 triệu đồng; trong đó vốn liên doanh liên kết 2.000 triệu đồng; nguồn vốn vay của đơn vị 500 triệu đồng; nguồn vốn bổ sung vốn điều lệ 500 triệu đồng. Năm 2018 xây dựng lò chung cất dầu trầm tổng đầu tư 1.000 triệu đồng; nguồn vốn vay của đơn vị 500 triệu đồng; nguồn vốn bổ sung vốn điều lệ 500 triệu đồng;

- Xây dựng vườn ươm giống cây lâm nghiệp quy mô đầu tư 2.000 triệu đồng trong đó: nguồn vốn vay của đơn vị 1.000 triệu đồng; nguồn vốn bổ sung vốn điều lệ 1.000 triệu đồng;

f) Nguồn vốn đầu tư cho khoa học công nghệ: 5.900 triệu đồng; trong đó nguồn hỗ trợ từ ngân sách trung ương 2.000 triệu đồng; nguồn vốn liên doanh liên kết 2.100 triệu đồng, huy động từ nguồn vốn hợp pháp khác 1.800 triệu đồng;

Đối với nguồn đầu tư các năm tiếp theo thực hiện theo kế hoạch của đề án.

4.5. Giải pháp về lao động

a) Cơ cấu tổ chức và lao động:

Sau khi đề án được phê duyệt, Công ty tiến hành rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy đảm bảo tinh gọn, giảm tối đa lao động gián tiếp, tăng tỷ lệ lao động trực tiếp, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng hiệu quả và quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng và đất lâm nghiệp được giao, như sau:

b) Tổng số lao động tiếp tục sử dụng 40 người, trong đó lao động gián tiếp là 09 người chiếm 22,5%, trực tiếp là 31 người chiếm 77,5%, được sắp xếp như sau:

- Bộ máy quản lý điều hành Công ty:

+ Hội đồng thành viên: 03 người (01 Chủ tịch HĐQT, 02 thành viên HĐQT)

+ 1 Kiểm soát viên: 01 người

+ Giám đốc, 01 Phó Giám đốc và Kế toán trưởng.

- Các phòng chuyên môn nghiệp vụ: 6 người, cụ thể:

Giữ nguyên phòng Tổ chức, chuyển bộ phận kế hoạch vào phòng kinh tế đổi tên thành phòng Kinh tế - Kế hoạch. Sáp nhập phòng Xây dựng rừng vào phòng Quản lý bảo vệ rừng. Thành lập phòng Quản lý dự án sản xuất Công ty.

+ Phòng Tổ chức: 2 người.

+ Phòng Kinh tế - Kế hoạch: 2 người

+ Phòng Quản lý dự án: 2 người.

- Phòng Quản lý, bảo vệ rừng: 17 người, trong đó được bố trí tại các trạm:

+ Trạm bảo vệ rừng Mục Bài: 4 người

+ Trạm Bảo vệ rừng Sơn Giang: 4 người

+ Trạm bảo vệ rừng Ka Rờ: 5 người

+ Trạm bảo vệ rừng Khe Mây: 4 người

- Các đơn vị sản xuất trực thuộc 14 người, bố trí như sau:

+ Đội Thiết kế và trồng rừng: 6 người;

+ Đội dịch vụ và SX Nông - Lâm : 8 người

- Căn cứ nhu cầu tiến độ kế hoạch sản xuất, kinh doanh, lập kế hoạch sử dụng lao động theo nhu cầu công việc, tuyển dụng lao động trình độ, chất lượng, đối với công việc trực tiếp ưu tiên sử dụng lao động của địa phương vào làm việc tại công ty.

c) Về chính sách lao động:

- Xây dựng phương án sử dụng lao động phù hợp, rà soát sắp xếp lại các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc, thực hiện chính sách, chế độ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đối với cán bộ, công nhân và người lao động;

- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý, nâng cao tay nghề cho người lao động nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sau sắp xếp chuyển đổi. Thực hiện cơ chế giao khoán phù hợp nhằm gắn trách nhiệm của người lao động nhận khoán góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực hiện có, đào tạo mới, đào tạo lại và tuyển dụng lại nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Công ty; Xây dựng quy chế trả lương, phụ cấp ưu đãi đảm bảo thu hút lao động đã qua đào tạo đến làm việc tại Công ty. Có chính sách đào tạo đội ngũ kế cận, thu hút giữ chân người tài phục vụ cho mục đích phát triển Công ty.

- Ngoài ra chú trọng sử dụng lao động hợp đồng thời vụ của địa phương trực tiếp tham gia vào sản xuất, chăn nuôi, trồng rừng, vườn ươm, khoán hộ bảo vệ rừng.....

4.6. Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, chú trọng ứng dụng công nghệ sinh học trong công tác giống; công nghệ chế biến sâu, các sản phẩm có nguồn gốc từ nguyên liệu rừng trồng, gỗ nhỏ và phi gỗ;

- Nghiên cứu để quản lý và phát triển các cây lâm sản ngoài gỗ mà người dân thường sử dụng cho sinh kế, các loại cây dược liệu quý.

- Nghiên cứu xây dựng giải pháp công nghệ GIS phục vụ theo dõi, giám sát tài nguyên và môi trường rừng để triển khai các hoạt động quản lý, bảo vệ rừng bền vững một cách hiệu quả.

- Đầu tư các giải pháp công nghệ để tạo ra các giống có năng suất cao, thu thập và khảo nghiệm để xây dựng tập đoàn cây chủ lực trong trồng rừng kinh tế, có đặc tính phù hợp với sản xuất chế biến, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

- Chuyển giao nhanh các tiến bộ khoa học vào sản xuất, thực hiện công tác khuyến lâm giúp nhân dân trong vùng phát triển sản xuất lâm nghiệp theo hướng bền vững.

4.7. Giải pháp về chế biến

Từ năm 2016, đơn vị chủ động và bằng hình thức liên kết với các doanh nghiệp đầu tư xây dựng 01 dây chuyền sản xuất đồ mộc dân dụng, chế biến sâu các mặt hàng có giá trị cao phục vụ cho tiêu dùng trong tỉnh và hướng tới xuất khẩu; Đầu tư xây dựng lò chưng cất tinh dầu trầm, dịch vụ bao tiêu sản phẩm trầm hương cho người dân trong vùng. Tổng dự kiến mức đầu tư chế biến 3.000 triệu đồng.

4.8. Giải pháp về thị trường

- Rà soát, xây dựng, củng cố thương hiệu các loại sản phẩm của Công ty. Xây dựng lộ trình thương hiệu sản phẩm mộc, trầm hương, dược liệu thiên nhiên v.v. tiêu thụ trong nước hướng tới xuất khẩu.

- Đối với sản phẩm chăn nuôi, đơn vị liên kết bao tiêu sản phẩm đầu ra.

- Về cây giống đảm bảo chất lượng để phục vụ kế hoạch trồng rừng của Công ty và cung ứng nhu cầu trên địa bàn tỉnh và vùng lân cận.

- Xây dựng thương hiệu liên kết các doanh nghiệp xuất khẩu để bao tiêu sản phẩm của Công ty sau chế biến.

- Hoàn thiện tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững FSC, chuỗi hành trình sản phẩm, phân đấu toàn bộ sản phẩm của Công ty được cấp chứng nhận thân thiện môi trường bao gồm sản phẩm gỗ và phi gỗ.

Trên đây là kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp. Kính trình UBND tỉnh Hà Tĩnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, giúp đỡ để doanh nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu TC, VT.

GIÁM ĐỐC



Dương Văn Thắng